

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TỪ XA THEO MÔ HÌNH HỌC TẬP KẾT HỢP
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC
NGÀNH KẾ TOÁN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHNN, ngày tháng năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

Hà Nội, năm 2020

MỤC LỤC

1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo	1
1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo	1
1.2. Mục tiêu đào tạo	1
2. Chuẩn đầu ra	2
2.1. Kiến thức	2
2.2. Kỹ năng	3
2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm	4
3. Khối lượng kiến thức toàn khoá	5
4. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh	5
5. Điều kiện tốt nghiệp	5
6. Nội dung chương trình.....	5
6.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo.....	5
6.2. Chương trình đào tạo.....	5
6.3. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ).....	31
7. Hướng dẫn thực hiện chương trình.....	33

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA THEO MÔ HÌNH HỌC TẬP
KẾT HỢP TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC
NGÀNH KẾ TOÁN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo

1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chương trình:
 - Tiếng Việt: **Kế Toán**
 - Tiếng Anh: **Accounting**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **Kế toán**
- Mã số: **7340301**
- Thời gian đào tạo: **04 năm**
- Loại hình đào tạo: **Vừa làm vừa học**
- Hình thức đào tạo: **Từ xa theo mô hình học tập kết hợp**
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp
 - Tiếng Việt: **Cử nhân Kế toán**
 - Tiếng Anh: **Bachelor of Accounting**

1.2. Mục tiêu đào tạo

- Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo từ xa theo mô hình học tập kết hợp (CTĐTTXKH) trình độ đại học hệ vừa làm vừa học ngành Kế toán cung cấp kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực Kế toán như tài chính - tiền tệ, tín dụng - ngân hàng, thống kê trong khai thác và quản lý Tài nguyên và Môi trường, làm nền tảng để nghiên cứu các nghiệp vụ chuyên sâu của ngành kế toán trong phạm vi ngành Tài nguyên và Môi trường cũng như trong các tổ chức doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Đồng thời cung cấp kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, có phẩm chất chính trị đạo đức.

- Mục tiêu cụ thể: Đào tạo cử nhân ngành Kế toán đạt được các kiến thức, kỹ năng sau:

+ Có kiến thức về kế toán tài chính và kiểm toán bao gồm Luật Kế toán, Luật Kiểm toán, Luật Tài nguyên và Môi trường, Chuẩn mực kế toán, Chuẩn mực kiểm toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp và Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp; có kiến thức về kế toán quản trị bao gồm các kiến thức về nhận diện chi

phí, phân tích thông tin, lập kế hoạch, thiết kế thông tin thành các báo cáo quản trị phục vụ cho việc ra quyết định trong quản lý Tài nguyên và Môi trường. Đồng thời có kiến thức sâu về các Luật thuế cơ bản và các văn bản hướng dẫn về các Luật thuế hiện hành ứng với lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường.

+ Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong lĩnh vực kế toán; kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các nội dung cơ bản trong lĩnh vực kế toán; kỹ năng sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống thường gặp; kỹ năng viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến chuyên môn.

+ Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực kế toán; Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm công dân; có khả năng tìm việc làm, có sức khỏe phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước.

+ Có khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

Sau khi ra trường, người học có khả năng:

- Nhận thức được những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học và tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, chính sách pháp luật của Nhà nước và công tác an ninh - quốc phòng; Có được kiến thức cơ bản về toán học, ngoại ngữ, tin học đại cương và khoa học tự nhiên làm nền tảng để học tập các môn cơ sở ngành và chuyên ngành.

- Vận dụng được các kiến thức về lĩnh vực Kinh tế, Quản trị kinh doanh; Tài chính – Ngân hàng; Kế toán, Kiểm toán và phân tích tài chính làm cơ sở nghiên cứu sâu hơn nội dung kiến thức chuyên ngành.

- Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực kế toán doanh nghiệp để thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn như: Lập chứng từ, ghi sổ kế toán, lập báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu, tư vấn cho nhà quản trị để đưa ra quyết định kinh doanh;

- Vận dụng được những kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính để thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn như: Lập chứng

từ, ghi sổ kế toán, lập báo cáo tài chính, có khả năng đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ, phân tích cơ bản về tình hình tài chính trong các đơn vị; khả năng xác lập các chính sách, chế độ kiểm toán nội bộ; Phân tích tình hình tài chính, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

- Vận dụng được các kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức, giám sát các chu trình liên quan thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính trong các doanh nghiệp; áp dụng được kiến thức cơ bản về quản lý và điều hành khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính.

- Xác định được thực tế công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính; Vận dụng được kỹ năng nghề nghiệp để giải quyết vấn đề thực tế.

- Kiến thức Tiếng anh và Tin học:

+ Đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc đạt chứng chỉ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu và tương đương.

+ Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và tương đương do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch.

+ Sử dụng được Internet và một số phần mềm chuyên ngành..

2.2. Kỹ năng

Sau khi ra trường, người học có các kỹ năng:

- Có được khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề: Tìm hiểu vấn đề và xác định nguyên nhân phát sinh để đề xuất biện pháp giải quyết vấn đề.

- Có được khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức: Nghiên cứu tài liệu, thu thập, xử lý thông tin về lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính.

- Có được năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn: Lập và xử lý được các chứng từ kế toán, ghi sổ kế toán; Biết thiết kế hệ thống thông tin kế toán, báo cáo tài chính và báo cáo quản trị đáp ứng yêu cầu quản lý; Báo cáo được các thông tin về tình hình tài chính của đơn vị để phục vụ yêu cầu của nhà quản trị; Kiểm tra, đánh giá được công tác tài chính, kế toán của tất cả các loại

hình doanh nghiệp.

Ngoài ra, *đối với hướng chuyên sâu kế toán – kiểm toán*: Đánh giá được hệ thống kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp; Có khả năng tham gia vào các cuộc kiểm toán do các đơn vị kiểm toán tổ chức; Cập nhật, xử lý, phân tích, đánh giá được số liệu và tham mưu về lĩnh vực kế toán, kiểm toán cho Ban lãnh đạo.

- Có được kỹ năng làm việc theo nhóm: kỹ năng phối hợp làm việc theo nhóm, học hỏi kinh nghiệm của đồng nghiệp và cấp trên, có kỹ năng giám sát, đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

- Có được kỹ năng quản lý và lãnh đạo: Có khả năng phân công và đánh giá hoạt động nhóm và tập thể; Phát triển và duy trì quan hệ với các đối tác; Truyền cảm hứng, tạo động lực cho cá nhân và tập thể, truyền đạt những vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc, truyền tài, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp; Có được kỹ năng lập kế hoạch và ra quyết định: Có khả năng lập kế hoạch và nhận xét, đánh giá, kiểm soát các bản kế hoạch trong công việc; có khả năng đưa ra quyết định ngắn hạn và dài hạn hợp lý; Có được kỹ năng tư duy logic: Có khả năng tư duy và giải quyết vấn đề logic.

- Có được kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tìm kiếm việc làm: Tìm kiếm các thông tin về việc làm trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông báo tuyển dụng tại các đơn vị, các trung tâm dịch vụ việc làm, từ bạn bè, người thân; Chuẩn bị hồ sơ xin việc, viết đơn xin việc, lý lịch tự thuật cá nhân.

- Có được kỹ năng sắp xếp và quản lý công việc: Có khả năng xác định nội dung và cách thức thực hiện công việc, cách thức kiểm soát và sắp xếp công việc cho nhân viên; Có được kỹ năng xử lý các tình huống trong mối quan hệ công việc, phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Có năng lực hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy

kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 133 TC

4. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.

- Tiêu chí tuyển sinh: Theo quy chế của Bộ Giáo dục đào tạo; theo quy định của trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội hàng năm.

5. Điều kiện tốt nghiệp

Được thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;

6. Nội dung chương trình

6.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy	133	Hình thức đào tạo	
		Trực tiếp	Từ xa
Trong đó:			
- Khối kiến thức Giáo dục đại cương (Không tính các môn học GDTC, GDQP-AN)	30		30
- Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	103	23	80
• Kiến thức cơ sở ngành	19	0	19
• Kiến thức ngành	72	11	61
+ <i>Bắt buộc:</i>	63	7	56
+ <i>Tự chọn:</i>	9	4	5
• Kiến thức thực tập và khóa luận tốt nghiệp	12	12	0

6.2. Chương trình đào tạo

Ký hiệu: - LT : Lý thuyết

- TL, TH, TT: Thảo luận, thực hành, thực tập

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
					LT	TL,TH TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương			30					30
<i>I.1</i>	<i>Lý luận chính trị</i>			<i>11</i>					<i>11</i>
1	Triết học Mác - Lênin	LCML 2101	Trình bày và giải thích được những kiến thức căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin. Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác – Lênin. Vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và cuộc sống.	3	30	15	90		3
2	Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin	LCML 2102	Trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lê nin về Kinh tế chính trị trong điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay. Vận dụng được những lý luận cơ bản vào thực tiễn học tập và công tác.	2	20	10	60		2
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LCML 2103	Trình bày và phân tích được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ	2	20	10	60		2

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
					LT	TL,TH TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
			nghĩa Mác - Lênin. Vận dụng các tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích và đánh giá một số vấn đề chính trị xã hội liên quan tới chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.						
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LCLS 2105	Chứng minh được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích và đánh giá được sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam từ khi thành lập Đảng đến nay qua các thời kỳ: (1930 - 1945), (1945 - 1975) và (1975 đến nay). Vận dụng được kiến thức đã học trong giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực được đào tạo.	2	21	9	60		2
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LCTT 2104	Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản trong chương trình môn học Tư	2	21	9	60		2

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
					LT	TL,TH TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
			tướng Hồ Chí Minh; đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng, dân tộc và nhân loại. Vận dụng sáng tạo lí luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá được một số vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.						
I.2	Khoa học xã hội			6					6
6	Pháp luật đại cương	LTPL 2101	Trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung; Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. So sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; So sánh	2	20	10	2		2

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
					LT	TL,TH TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
			một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau; Vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế.						
7	Kỹ năng mềm	KTQU 2151	Vận dụng được các kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn, duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực.	2	20	10	2		2
8	Quản trị học	KTQU 2101	Trình bày được các vấn đề căn bản về quản trị như: Các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin trong quản trị, bốn chức năng cơ bản của quản trị: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra.	2	19	11	2		2
I.3	Ngoại ngữ			8					8

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
					LT	TL,TH TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
9	Tiếng Anh 1	NNTA 2101	Phát âm rõ ràng; Vận dụng kiến thức cơ bản trong diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày; Vận dụng các cấu trúc cơ bản và từ vựng trong giao tiếp đơn giản	3	8	37	3		3
10	Tiếng Anh 2	NNTA 2102	Vận dụng được kiến thức cơ bản về các thời, thể ngữ pháp tiếng Anh trình độ tiên trung cấp; các từ vựng cơ bản về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc	3	5	40	3		3
11	Tiếng Anh 3	NNTA 2103	Phát âm rõ ràng theo hướng dẫn và tự tin hơn trong các hội thoại; Vận dụng được vốn kiến thức cơ bản và nâng cao về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày; Vận dụng được các cấu trúc cơ bản, có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp cơ bản và nâng cao	2	5	25	2		2
1.4	Khoa học tự nhiên – Tin học			5					5

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
					LT	TL,TH TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
12	Toán cao cấp	KDTO2108	Trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích như: ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, các phép toán và ứng dụng của hàm số một biến số, hàm số nhiều biến số, phương trình vi phân, làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành của ngành kế toán ở bậc đại học và lên trình độ cao hơn.	3	25	20	3		3
13	Tin học đại cương	CTKH2151	Trình bày được các kiến thức cơ bản về thông tin, công cụ xử lý thông tin, áp dụng được các phần mềm thông dụng ứng dụng hỗ trợ trong công tác văn phòng và khai thác Internet.	2	20	10	2		2
I.5	Giáo dục thể chất		Bao gồm phần bắt buộc và phần tự chọn: <ul style="list-style-type: none"> • Phần bắt buộc (3TC): Thể dục, Điền kinh 1 và Điền kinh 2 • Phần tự chọn: 	5				5	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
					LT	TL,TH TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
			SV chọn một trong các môn học sau: Bóng chuyền 1 và Bóng chuyền 2; Cầu lông 1 và Cầu lông 2; Bơi lội 1 và Bơi lội 2; Bóng rổ 1 và Bóng rổ 2						
I.6	<i>Giáo dục quốc phòng-an ninh</i>		Bao gồm 4 học phần: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam; Công tác quốc phòng và an ninh; Quân sự chung; Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	8				4	4
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			103				23	80
II.1	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>			19					19
14	Tài chính - Tiền tệ	KTTC 2301	Trình bày được kiến thức cơ bản về tài chính như các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính, các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp,... và các vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương,	3	37	8	3		3

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
					LT	TL,TH TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
			quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế.						
15	Kinh tế vi mô	KTKH 2301	Trình bày được những kiến thức cơ bản về thị trường, cầu và cung hàng hóa; Lý thuyết về thị trường cạnh tranh hoàn hảo và thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; Ứng xử của người sản xuất và người tiêu dùng; Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường.	3	33	12	3		3
16	Kinh tế vĩ mô	KTKH 2302	Trình bày được các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô; lý thuyết, nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái và các chính sách của nền kinh tế mở.	3	31,5	13,5	3		3
17	Kinh tế tài nguyên và môi	KTTM 2301	Trình bày được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương	2	22	8	2		2

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
					LT	TL,TH TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
	trường		pháp nghiên cứu học phần kinh tế tài nguyên môi trường; Trình bày và phân tích được một số khái niệm cơ bản như: môi trường, tài nguyên, biến đổi môi trường; Phân tích được mối quan hệ giữa hoạt động của hệ kinh tế và môi trường; trình bày được các khái niệm về vấn đề kinh tế ô nhiễm như: ô nhiễm môi trường, ngoại ứng...; Xác định được mức ô nhiễm tối ưu, phân tích được cơ chế hoạt động của một số công cụ kiểm soát ô nhiễm; Phân biệt được sự khác biệt cơ bản giữa các loại tài nguyên, xác định được mức khai thác tài nguyên tối ưu.						
18	Nguyên lý thống kê kinh tế	KTPT 2301	Vận dụng được các phương pháp thu thập thông tin thống kê, tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê, các chỉ tiêu phân tích mức độ của	2	19	11	2		2

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
					LT	TL,TH TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
			hiện tượng, các phương pháp phân tích thống kê và các phương pháp dự báo biến động của hiện tượng.						
19	Quản trị kinh doanh	KTQU 2302	Trình bày được những kiến thức cơ bản về lĩnh vực quản trị kinh doanh như các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn và có một tầm nhìn rộng về quản trị	2	20	10	2		2
20	Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh	KTQU 2303	Phân tích được những đặc trưng pháp lí và các quy định của pháp luật về hợp đồng kinh tế, trình bày được các nội dung cơ bản của một số hợp đồng kinh tế trong kinh doanh.	2	20	10	2		2
21	Lịch sử kinh tế	KTKH 2350	So sánh được thực trạng phát triển kinh tế của các nước và của Việt Nam, bao gồm những biến đổi trong nền kinh tế, những đặc điểm phát triển kinh tế và những luận giải về những biến đổi đó ở từng thời kỳ lịch sử cụ thể.	2	24	6	2		2

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
					LT	TL,TH TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
II.2	Kiến thức ngành			72				11	61
II.2.1	Bắt buộc			63				7	56
22	Quản trị dự án đầu tư	KTQU 2304	Trình bày được những kiến thức cơ bản về dự án đầu tư như: Tổng quan về dự án đầu tư; quá trình lập một dự án đầu tư; thẩm định một dự án đầu tư; quản lý dự án đầu tư	2	20	10	2		2
23	Thống kê doanh nghiệp	KTPT 2303	Vận dụng được các phương pháp thống kê các yếu tố sản xuất trong doanh nghiệp gồm thống kê tài sản cố định, thống kê tài sản lưu động, thống kê lao động và thu nhập của lao động; thống kê giá thành sản xuất; thống kê kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; phương pháp phân tích một số chỉ tiêu thống kê về hiệu quả sản xuất kinh doanh.	2	23	7	2		2
24	Nguyên lý thẩm định giá	KTKN 2509	So sánh và phân biệt được sự khác nhau cơ bản giữa các đối tượng thẩm định giá; Vận	2	20	10	2		2

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
					LT	TL,TH TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
			dụng được các phương pháp thẩm định giá phù hợp với từng loại tài sản cần thẩm định giá; Vận dụng được quy trình thẩm định giá, các nội dung của hồ sơ thẩm định giá, các tiêu chuẩn thẩm định giá tài sản và hiểu về pháp luật trong hoạt động thẩm định giá.						
25	Nguyên lý kế toán	KTKE 2501	Vận dụng được chế độ kế toán Việt Nam như nguyên tắc, các phương pháp kế toán trong quá trình kế toán các hoạt động chủ yếu của một loại hình đơn vị cụ thể, để bước đầu tiếp cận với thực tiễn kế toán trong hệ thống quản lý; đồng thời định hướng được việc sử dụng tài liệu kế toán vào quản lý các lĩnh vực thuộc chuyên ngành của mình.	3	30	15	3		3
26	Phân tích kinh doanh	KTKE 2502	Vận dụng những kiến thức cơ bản và nâng cao để đánh giá tình	3	34	11	3		3

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
					LT	TL,TH TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
	(*)		hình tài chính doanh nghiệp thông qua các hoạt động: Hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính của doanh nghiệp.						
27	Kế toán công	KTKE 2503	Vận dụng được các kiến thức cơ bản nhất về kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp như: hệ thống tài khoản, chứng từ kế toán sử dụng, phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong các đơn vị hành chính sự nghiệp để lập, đọc các Báo cáo tài chính ở các đơn vị hành chính sự nghiệp.	3	30	15	3		3
28	Kế toán ngân hàng	KTKE 2504	Phân tích, tổng hợp và hệ thống hóa được những kiến thức về công tác tổ chức, thực hiện nghiệp vụ kế toán trong ngân hàng, chủ yếu là tại các ngân hàng thương mại từ Tổ chức công tác kế toán	2	20	10	2		2

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
					LT	TL,TH TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
			trong hoạt động ngân hàng đến Xác định và phân phối kết quả kinh doanh.						
29	Lý thuyết kiểm toán	KTKN 2501	Trình bày được khái niệm kiểm toán, ý nghĩa của từng loại kiểm toán trong một đơn vị cụ thể; các kiến thức về tổ chức và các hiệp hội nghề nghiệp của Việt Nam và thế giới; giải thích được chuẩn mực đạo đức của kiểm toán viên, trình tự nghiên cứu hệ thống kiểm soát nội bộ trong một tổ chức; giải thích được khái niệm bằng chứng kiểm toán.	3	30	15	3		3
30	Hệ thống thông tin kế toán	KTKE 2505	Trình bày được nội dung của hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp, chu trình lưu chuyển thông tin kế toán và các hình thức tổ chức công tác kế toán trong điều kiện áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kế toán.	3	30	15	3		3

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
					LT	TL,TH TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
31	Kế toán máy	KTKE 2506	Phân tích, tổng hợp được các thông tin, dữ liệu trong hệ thống thông tin của các chu trình kế toán, làm cơ sở cho việc vận dụng các phần mềm kế toán. Áp dụng được các kỹ năng sử dụng các phần mềm kế toán thông dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh.	3	29	16	90	3	
32	Đạo đức nghề nghiệp	KTKE 2507	Vận dụng những kiến thức cơ bản về đạo đức, nguồn gốc, cách nhận diện các vấn đề đạo đức nghề nghiệp, và các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đặc biệt cung cấp những kiến thức cơ bản về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán, những nguy cơ phát sinh vi phạm và các biện pháp bảo vệ việc thực hiện chuẩn mực.	2	20	10	60		2
33	Tiếng Anh chuyên	NNTA 2557	Phát âm rõ ràng các thuật ngữ chuyên ngành kế toán; Sử dụng	3	20	25	90		3

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
					LT	TL,TH TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
	ngành		thành thạo các thi đã học, phân biệt được các từ loại; Phân biệt các cấu trúc câu đơn, câu phức, câu ghép, câu so sánh, câu điều kiện, đại từ quan hệ; Có đủ vốn từ vựng cơ bản về chuyên ngành kế toán						
34	Kế toán quản trị 1	KTKE 2508	Vận dụng được các phương pháp ghi chép, tổng hợp, phân tích các khoản mục chi phí và dự toán chi phí cho kỳ kế hoạch, nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho chức năng kiểm soát và đánh giá chi phí. Phân tích được mối quan hệ giữa chi phí, sản lượng, lợi nhuận để từ đó hiểu được tầm quan trọng của các yếu tố tác động đến lợi nhuận doanh nghiệp.	3	30	15	90		3
35	Kế toán quản trị 2	KTKE 2509	Vận dụng kiến thức để ghi chép, tổng hợp, phân tích biến động chi phí, doanh thu, báo cáo kết quả kinh doanh,	3	30	15	90		3

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
					LT	TL,TH TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
			định giá sản phẩm nhằm cung cấp thông tin cho nhà quản trị để đưa ra quyết định ngắn hạn, dài hạn.						
36	Kế toán tài chính 1	KTKE 2510	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về kế toán nghiệp vụ tài sản cố định, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí sản xuất và các phương pháp tính giá thành sản phẩm – dịch vụ, xác định kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận,.. trong doanh nghiệp sản xuất.	4	35	25	120		4
37	Kế toán tài chính 2	KTKE 2511	Vận dụng được các nguyên tắc và phương pháp hạch toán các nghiệp vụ liên quan các khoản phải thu, phải trả, hoạt động thương mại trong nước, xuất – nhập khẩu... trong công tác kế toán của các doanh nghiệp.	3	30	15	90		3
38	Phân tích báo cáo tài	KTKE 2512	Phân tích, đánh giá được tình hình tài chính doanh nghiệp	2	20	10	60		2

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
					LT	TL,TH TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
	chính (*)		thông qua các hoạt động: Hoạt động đầu tư, hoạt động tài trợ và hoạt động sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp. Từ đó giúp người học có cái nhìn chính xác hơn về tình hình thực tế hoạt động của doanh nghiệp trong bối cảnh thị trường luôn biến động.						
39	Kiểm toán tài chính	KTKN 2502	Trình bày được những kiến thức tổng quan về kiểm toán như: khái niệm, đối tượng và mục tiêu kiểm toán, làm quen với các phương pháp kiểm toán, thực hiện quy trình kiểm toán một số các khoản mục cơ bản của doanh nghiệp: kiểm toán tiền, kiểm toán hàng tồn kho, kiểm toán doanh thu, kiểm toán giá vốn hàng bán và chi phí.	3	30	15	90		3
40	Kỹ năng phát triển	KTKE 2522	Vận dụng được năng lực phát triển nghề nghiệp kế toán kiểm	2	20	10	60		2

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
					LT	TL,TH TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
	nghề nghiệp		toán, biết tự đánh giá, tự học và tự rèn luyện nhằm nâng cao năng lực bản thân, chất lượng, hiệu quả công việc. Phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp với các đối tượng bên trong và ngoài doanh nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới; kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, kỹ năng lập kế hoạch và ra quyết định, áp dụng kỹ năng tư duy, phân tích, tổng hợp vào công việc.						
41	Kiến tập nghề nghiệp	KTKE 2525	Vận dụng được chế độ kế toán Việt Nam để bước đầu tiếp cận với thực tiễn kế toán trong hệ thống quản lý; đồng thời định hướng được việc sử dụng tài liệu kế toán vào quản lý các lĩnh vực thuộc chuyên ngành của mình.	4	0	90	150	4	
42	Tài	KTTC	Trình bày được những	3	30	15	90		3

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
					LT	TL,TH TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
	chính doanh nghiệp	2503	kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng của tài chính doanh nghiệp, mục tiêu và các quyết định tài chính doanh nghiệp, vốn kinh doanh của doanh nghiệp, các phương pháp tính khấu hao tài sản cố định, phương pháp xác định nhu cầu vốn lưu động, cách quản lý vốn lưu động; các vấn đề về đầu tư dài hạn của doanh nghiệp cùng với các chỉ tiêu đánh giá dự án đầu tư, xem xét rủi ro và tỷ suất sinh lời của các dự án; nguồn tài trợ cho doanh nghiệp với chi phí sử dụng vốn là bao nhiêu.						
43	Kế toán quốc tế (*)	KTKE 2521	Trình bày được các nội dung chính về kế toán quốc tế nói chung và kế toán Mỹ nói riêng; So sánh mô hình kế toán quốc tế với kế toán Việt Nam; Vận dụng thuật ngữ chuyên	2	20	10	60		2

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
					LT	TL,TH TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
			ngành tiếng Anh vào lĩnh vực kế toán trong thực tế						
44	Thương mại điện tử	KTQU 2590	Phân tích được lợi ích của thương mại điện tử cũng như các lĩnh vực ứng dụng; Cơ sở công nghệ của thương mại điện tử và các vấn đề an ninh, an toàn bảo mật trong thương mại Internet; Chiến lược thương mại điện tử.	3	27,5	17,5	90		3
II.2.2	<i>Tự chọn</i>			9				4	5
	<i>Chuyên sâu về Kế toán doanh nghiệp</i>			9				4	5
45	Kế toán chi phí	KTKE 2615	Trình bày được bản chất chi phí, qui trình thu thập, xử lý, tính giá thành sản phẩm và lập báo cáo chi phí ở một doanh nghiệp. Từ đó vận dụng kiến thức trong tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại một doanh nghiệp cụ thể.	2	20	10	60		2
46	Thuế và kế toán thuế	KTKE 2616	Vận dụng các kiến thức đã học về các nghiệp vụ kế toán của các loại thuế, kê khai,	3	30	15	90		3

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
					LT	TL,TH TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
			quyết toán và nộp các loại thuế như: thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế xuất nhập khẩu, thuế tài nguyên, thuế môn bài, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế bảo vệ môi trường, phí và lệ phí....						
47	Thực hành nghề nghiệp	KTKE 2617	Vận dụng được những kiến thức chuyên ngành kế toán đã được trang bị để tăng cường kỹ năng thực hành nghề nghiệp của sinh viên chuyên ngành.	4	0	90	150	4	
<i>Chuyên sâu về Kế toán - kiểm toán</i>				9				4	5
48	Kiểm toán hoạt động	KTKN 2603	Vận dụng được những kiến thức về nội dung và quy trình kiểm toán tương ứng với từng hoạt động cụ thể trong thực tế tại các doanh nghiệp	3	30	15	90		3
49	Kiểm toán môi trường	KTKN 2604	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về kiểm toán môi trường như mục đích, ý nghĩa,	2	20	10	60		2

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
					LT	TL,TH TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
			chức năng, yêu cầu và các công việc cơ bản trong hoạt động trước kiểm toán, hoạt động kiểm toán tại cơ sở và hoạt động sau kiểm toán của một cuộc kiểm toán môi trường.						
50	Thực hành nghề nghiệp	KTKN 2605	Vận dụng được những kiến thức chuyên ngành kiểm toán đã được trang bị để tăng cường kỹ năng thực hành nghề nghiệp của sinh viên chuyên ngành.	4	0	90	150	4	
II.3	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp			12				12	
51	Thực tập tốt nghiệp	KTKE 2717	Phân tích được tình hình hoạt động trong công tác tổ chức kế toán, kiểm soát nội bộ, kiểm toán tại đơn vị thực tập. Vận dụng kiến thức đã học để đưa ra giải pháp hoàn thiện công tác kế toán, kiểm soát nội bộ, kiểm toán tại đơn vị, củng cố thêm nhận thức và nâng cao tay nghề chuyên môn.	6	0	6	180	6	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
					LT	TL,TH TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
52	Khóa luận tốt nghiệp	KTKE 2818	Tổng hợp và hệ thống hoá những kiến thức chuyên môn đã được trang bị, vận dụng vào thực tế để phân tích các chính sách hoặc giải quyết các vấn đề về kế toán.	6	0	90	180	6	
II.4	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6					6
	<i>Chuyên sâu về Kế toán doanh nghiệp</i>			6					6
53	Hệ thống chuẩn mực kế toán	KTKE 2819	Tổng hợp và hệ thống hóa các kiến thức cơ bản về hoạt động kế toán được quy định trong hệ thống chuẩn mực kế toán Quốc tế và Việt Nam. Từ đó so sánh chuẩn mực kế toán quốc tế và Việt Nam, vận dụng hệ thống chuẩn mực kế toán trong thực tế tại đơn vị	3	30	15	90		3
54	Mô phỏng nghiệp vụ kế toán	KTKE 2820	Tổng hợp và hệ thống hóa toàn diện kiến thức chuyên ngành kế toán bằng việc thực hành các nội dung của từng phần hành kế toán trong doanh nghiệp, vận dụng kiến thức lý	3	30	15	90		3

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
					LT	TL,TH TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
			thuyết vào thực hiện công việc kế toán mô phỏng thực tế từ việc sử dụng các phần mềm kế toán cơ bản và tổ chức thực hành như một phòng kế toán trong một đơn vị cụ thể.						
<i>Chuyên sâu về Kế toán - kiểm toán</i>				6					6
55	Hệ thống chuẩn mực kiểm toán	KTKN 2805	Trình bày được các nội dung cơ bản về hoạt động kiểm toán được quy định trong hệ thống chuẩn mực kiểm toán Quốc tế và Việt Nam. Qua đó, phân tích và vận dụng các chuẩn mực kiểm toán trong hoàn cảnh cụ thể.	3	30	15	90		3
56	Mô phỏng nghiệp vụ kiểm toán	KTKN 2806	Tổng hợp và hệ thống hóa toàn diện kiến thức chuyên ngành kiểm toán bằng việc thực hiện kiểm toán các phần hành cơ bản tại đơn vị khách hàng, vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực hiện công việc kiểm toán mô phỏng thực tế.	3	30	15	90		3

Ghi chú: () các học phần dạy bằng tiếng Anh và tiếng Việt*

6.3. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ)

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
I	Kiến thức giáo dục đại cương									
I.1	Lý luận chính trị									
1	Triết học Mác - Lênin	LCML2101	3							
2	Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin	LCML2102		2						
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LCML2103			2					
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LCLS2105					2			
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LCTT2104				2				
I.2	Khoa học xã hội									
6	Pháp luật đại cương	LTPL2101	2							
7	Kỹ năng mềm	KTQU2151						2		
8	Quản trị học	KTQU2101	2							
I.3	Ngoại ngữ									
9	Tiếng Anh 1	NNTA2101	3							
10	Tiếng Anh 2	NNTA2102		3						
11	Tiếng Anh 3	NNTA2103			2					
I.4	Khoa học tự nhiên – Tin học									
12	Toán cao cấp	KDTO2108	3							
13	Tin học đại cương	CTKH2151		2						
I.5	Giáo dục thể chất									
I.6	Giáo dục quốc phòng–an ninh									
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
II.1	Kiến thức cơ sở ngành									
14	Tài chính - Tiền tệ	KTTC2301		3						
15	Kinh tế vi mô	KTKH2301	3							
16	Kinh tế vĩ mô	KTKH2302		3						
17	Kinh tế tài nguyên và môi	KTTM2301				2				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
	trường									
18	Nguyên lý thống kê kinh tế	KTPT2301			2					
19	Quản trị kinh doanh	KTQU2302		2						
20	Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh	KTQU2303			2					
21	Lịch sử kinh tế	KTKH2350		2						
II.2	Kiến thức ngành									
II.2.1	Bắt buộc									
22	Quản trị dự án đầu tư	KTQU2304					2			
23	Thống kê doanh nghiệp	KTPT2303				2				
24	Nguyên lý thẩm định giá	KTKN2509			2					
25	Nguyên lý kế toán	KTKE2501			3					
26	Phân tích kinh doanh	KTKE2502							3	
27	Kế toán công	KTKE2503					3			
28	Kế toán ngân hàng	KTKE2504					2			
29	Lý thuyết kiểm toán	KTKN2501				3				
30	Hệ thống thông tin kế toán	KTKE2505							3	
31	Kế toán máy	KTKE2506							3	
32	Đạo đức nghề nghiệp	KTKE2507						2		
33	Tiếng Anh chuyên ngành	NNTA2557						3		
34	Kế toán quản trị 1	KTKE2508					3			
35	Kế toán quản trị 2	KTKE2509						3		
36	Kế toán tài chính 1	KTKE2510				4				
37	Kế toán tài chính 2	KTKE2511					3			
38	Phân tích báo cáo tài chính	KTKE2512							2	
39	Kiểm toán tài chính	KTKN2502						3		
40	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	KTKE2522					2			
41	Kiến tập nghề nghiệp	KTKE2525					4			
42	Tài chính doanh nghiệp	KTTC2503			3					
43	Kế toán quốc tế	KTKE2521						2		

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
44	Thương mại điện tử	KTQU2590				3				
<i>II.2.2</i>	<i>Tự chọn</i>									
<i>Chuyên sâu về Kế toán doanh nghiệp</i>										
45	Kế toán chi phí	KTKE2615						2		
46	Thuế và kế toán thuế	KTKE2616							3	
47	Thực hành nghề nghiệp	KTKE2617							4	
<i>Chuyên sâu về Kế toán-kiểm toán</i>										
48	Kiểm toán hoạt động	KTKN2603						3		
49	Kiểm toán môi trường	KTKN2604							2	
50	Thực hành nghề nghiệp	KTKN2605							4	
II.3	Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp									
51	Thực tập tốt nghiệp	KTKE2717								6
52	Khóa luận tốt nghiệp	KTKE2818								6
II.4	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp									
<i>Chuyên sâu về kế toán doanh nghiệp</i>										
53	Hệ thống chuẩn mực kế toán	KTKE2819								3
54	Mô phỏng nghiệp vụ kế toán	KTKE2820								3
<i>Chuyên sâu về Kế toán-kiểm toán</i>										
55	Hệ thống chuẩn mực kiểm toán	KTKN2805								3
56	Mô phỏng nghiệp vụ kiểm toán	KTKN2806								3
	Tổng (*) (133/133)		16	19	16	16	21	17 (18)	18 (17)	12

Ghi chú: (*) Không kể GDTC và GDQP-AN

7. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí

nghiệm hoặc thảo luận; 50÷80 giờ thực tập; tiểu luận, bài tập lớn hoặc khoá luận tốt nghiệp.

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định.

- Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp (nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ).

- Khối lượng học tập mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ (Trừ học kỳ cuối khóa) là không dưới 14TC đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường và 10÷14TC đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của học phần và trình tự học tập của chương trình.